

Mối quan hệ giữa tướng quyền và hoàng quyền thời Lê Sơ

Phan Ngọc Huyền¹

¹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Email: huyenpn@hnue.edu.vn

Nhận ngày 18 tháng 6 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 9 tháng 7 năm 2018.

Tóm tắt: Dưới thời Lê Sơ, địa vị và quyền lực của tể tướng đã có sự thay đổi. Trong mối quan hệ với hoàng quyền, tướng quyền có lúc lấn át, có giai đoạn bị phế bỏ rồi sau đó lại được khôi phục trở lại. Sự thăng trầm trong mối quan hệ này phản ánh những mâu thuẫn vừa tiềm ẩn vừa công khai trong tổ chức bộ máy nhà nước của thời Lê Sơ. Mối quan hệ giữa vua và tể tướng qua các giai đoạn khác nhau cho thấy rằng, vua và tể tướng là cặp đôi khó tách rời nhau, nhưng chưa bao giờ là cặp đôi hoàn hảo.

Từ khóa: Lê Sơ, tể tướng, hoàng quyền, tướng quyền.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: Under the Le dynasty early period, there were changes in the status and power of the prime minister. In the relationship with the king's power, his power sometimes was higher than the king's. There were also times when his power was removed and then restored again. The ups and downs in the relationship reflected the contradictions which were both hidden and shown in the state apparatus of the dynasty. The relationship between the king and the prime minister in various stages shows the two were difficult to separate but never a perfect pair.

Keywords: Le dynasty early period, prime minister, king's power, prime minister's power.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Tể tướng trong tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ là vị trưởng quan có quyền hành cao nhất, đứng đầu hàng ngũ quan lại thời phong kiến, là người “trợ thủ cao cấp” giúp

vua giải quyết các công việc quốc gia đại sự [3, tr.20]. Sách *Từ điển chức quan các đời Trung Quốc* đã cắt nghĩa khá tường tận về nội hàm của khái niệm này như sau: “Tể, nghĩa là chủ, là trị. Tướng nghĩa là phò tá, giúp đỡ, trợ giúp. Thời cổ, vị trưởng quan có chức vị cao nhất trợ giúp quân vương giải quyết các công việc hành chính sự vụ của cả nước thì gọi là Tể tướng. Tuy nhiên, ở mỗi

thời kì, người được giao nhiệm vụ này lại được đặt thành tên chức quan khác nhau” [7, tr.464-465].

Trong lịch sử chế độ quân chủ Việt Nam, chức quan mang trọng trách như Tể tướng bắt đầu xuất hiện dưới thời Tiền Lê. Đến thời Lý, chức quan Tể tướng đầu triều đại được gọi là Tướng công [1, tr.552]. Về sau, chế độ Tể tướng đã rõ ràng về tên gọi, gắn với việc xuất hiện các chức quan khác nhau như: Thái phó bình chương quân quốc trọng sự, Thái úy, Thái úy phụ chính, Phụ quốc Thái úy. Sang thời Trần, những người ở ngôi Tể tướng đa phần đều giữ chức Thái sư, Tướng quốc Thái úy, sau đổi thành Tả, Hữu Tướng quốc, kiêm Kiểm hiệu đặc tiến khai phủ nghi Đồng tam ty Bình chương sự. Đầu thời Lê Sơ, triều đình vẫn theo chế độ cũ của nhà Trần, đặc chức Tả, Hữu Tướng quốc, Đại Tư đồ hay Thái úy, gia phong Bình chương quân quốc trọng sự.

Khác với thời Lý - Trần, địa vị và số phận của Tể tướng thời Lê Sơ đặt trong mối quan hệ với vua đã có sự thay đổi khá lớn. Cùng với sự thành lập chính quyền đa tộc thời Lê sơ, những mâu thuẫn giữa tướng quyền và hoàng quyền trong suốt 100 năm của giai đoạn này vừa ngấm ngấm, vừa công khai, khiến cho sự thay đổi vị thế quyền lực giữa hai chủ thể này trải qua nhiều khúc quanh với các trạng thái khác nhau: khi thì gắn bó, lúc lại lạnh nhạt; khi cần phối hợp dựa vào nhau, lúc lại không chế, loại trừ nhau. Bài viết này xem xét sự thăng trầm trong mối quan hệ giữa tướng quyền và hoàng quyền qua các giai đoạn khác nhau dưới thời Lê Sơ.

2. Quan hệ giữa tướng quyền và hoàng quyền giai đoạn trước cải cách quan chế

Trong khoảng gần 40 năm đầu của thời Lê Sơ (từ năm 1428 đến năm 1471), mối quan

hệ giữa Tể tướng và vua là sự gắn bó chặt chẽ với nhau, quyền lực của Tể tướng có xu hướng ngày càng lấn át quyền vị của vua. Có thể nói, chính bối cảnh lịch sử buổi đầu thời Lê Sơ đã chi phối sự tương tác quyền lực của hai chủ thể này. Thái Tổ Lê Lợi, vị vua đầu tiên, sau khi lên ngôi lập ra vương triều Lê, đã phải đối mặt với quá nhiều vấn đề ngổn ngang của một đất nước từng trải qua 20 năm đô hộ của nhà Minh. Trong buổi đầu một triều đại mới được thành lập trên cơ sở thoát thai từ một cuộc khởi nghĩa, Lê Thái Tổ dù muốn hay không vẫn phải chấp nhận một mô hình nhà nước quá độ giống như thời Trần - Hồ. Dưới vua, đứng đầu trăm quan là ngôi vị Tể tướng. Trong mấy năm đầu, chức vị này cơ bản do Thái tử Tư Tề, con trai trưởng của Lê Thái Tổ, đảm nhiệm. Năm 1427, Lê Tư Tề được phong chức Tư đồ, về quyền vị, chức đó như chức Tể tướng. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* chép: “Gia phong Thị trung Tư Tề làm Tư đồ; Đại tư mã Lê Nhân Chú làm Tư không; Thiếu úy Lê Vấn, Lê Sát làm Tư mã; Thượng tướng Lê Bôi làm Thiếu úy và răn họ rằng: Chức tước đã cao, sớm khuya chớ có lơ là, không được thỏa mãn mà sao nhãng lập công” [4, t.2, tr.272]. Sang năm 1428, Lê Tư Tề lại được phong làm Hữu tướng quốc, sau đó được ban kim sách và gia phong làm Quốc vương, có chức nhiệm giúp vua cha trông coi việc nước. Lúc bấy giờ, vua Lê Thái Tổ nhiều bệnh, nên mọi việc chính sự lớn nhỏ đều giao cho Quốc vương Tư Tề quyết định [2, tr.179]. Cũng vì mối quan hệ giữa vua và quan Tư đồ thực chất là quan hệ gia đình (cha - con) nên giữa hai chủ thể này chưa có sự xung đột về quyền lực. Trên thực tế, vào tháng 8 năm Thuận Thiên thứ 6 (1433), Lê Thái Tổ trước khi qua đời đã phế Tư đồ Tư Tề, lập người con thứ là Nguyên Long làm Hoàng Thái tử và cho nối quốc

thống. Nguyên nhân của sự việc này được sử chép là do Quốc vương Tư Tề mắc chứng điên cuồng, “làm nhiều điều cuồng dại, trái nghịch” [8, t.1, tr.839]. Thực chất của việc phế lập này có thể cần thêm nguồn tư liệu để kiểm chứng, song chắc hẳn không liên quan gì đến sự đối xung quyền lực giữa ngôi vị tể tướng và vua.

Cùng với việc bổ nhiệm Tư Tề làm Hữu tướng quốc trước đó, ngay từ năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), triều đình, sau khi họp đại hội các tướng lĩnh và bá quan văn võ để định công, ban thưởng, đã phong Trần Nguyên Hãn làm Tả tướng quốc, nắm quyền tể tướng và được ban quốc tính [4, t.2, tr.293]. Việc bổ nhiệm Trần Nguyên Hãn vốn là người ngoại tộc ở ngôi tể tướng đã phá vỡ nguyên tắc tuyển chọn của vương triều Trần trước đây (vốn chỉ lấy người trong hoàng tộc, tôn thất làm Tể tướng). Tính chất “đơn tộc” trong bổ nhiệm người đứng đầu bộ phận đại thần trọng chức đã chính thức không còn cơ sở để tồn tại. Tuy nhiên, cũng chính yếu tố “đa tộc” này, cộng với bản tính vốn “đa nghi, hiếu sát” của Lê Thái Tổ, đã đưa đến những xung đột đầu tiên của hoàng quyền và tướng quyền. Kết quả của sự xung đột này là cái chết chóng vánh và đầy oan khuất của tả tướng quốc Trần Nguyên Hãn. Việc thanh trừng tả tướng quốc Trần Nguyên Hãn còn nhiều điều phải bàn, song dẫu sao, ở một góc nhìn nào đó, vẫn cho thấy rằng vua Lê Thái Tổ còn “làm chủ” được cục diện triều đình, thể hiện rõ sức mạnh của hoàng quyền. Sau khi Lê Thái Tổ qua đời (năm 1433), vua Lê Thái Tông (1423 - 1442) lên nối ngôi thì cục diện lại rẽ sang một chiều hướng khác: sự lấn lướt ngày càng lớn của tướng quyền và ngược lại, thay vì hoàn toàn làm chủ, hoàng quyền lại ngày càng bị phụ thuộc.

Vua Lê Thái Tông, và vua Lê Nhân Tông (1441 - 1459), khi lên ngôi đều chưa trưởng thành, nên chưa đủ bản lĩnh để “làm chủ” cục diện triều đình.

Lê Thái Tông đăng cơ khi mới 11 tuổi (năm 1433). Trọng trách phò giúp vị vua trẻ được Thái Tổ giao cho các đại thần như Lê Sát, Lê Vấn, Lê Ngân. Trước khi mất, vua Lê Thái Tổ đã phong cho Lê Sát là đại tư đồ và “lãnh di chiếu làm phụ chính để giúp chúa nhỏ” [8, t.1, tr.840]. Từ lúc lên ngôi đến trước khi gần qua đời (năm 18 tuổi), vua Lê Thái Tông cơ bản chưa có ngay được uy quyền chuyên chế cũng như tích lũy đủ độ chín về kinh nghiệm trị nước, nên không thể không dựa vào sự giúp rập của tể tướng Lê Sát.

Nắm chức đại tư đồ trong tay, Lê Sát hăng hái giúp vua sửa sang chính sự, năng can gián vua. Nhưng ông tính tình nóng nảy, hay tự quyết công việc theo ý riêng và cũng không ngừng lôi kéo phe cánh trong triều đình về phía mình để dễ bề hành sự.

Trên thực tế, vì Lê Thái Tông còn nhỏ tuổi nên mọi việc lớn nhỏ trong triều đình đều do Lê Sát quyết định. Cũng vì thế, quyền của tể tướng lấn át cả vua. Hình ảnh và hành trạng của Lê Sát có nhiều nét tương đồng với vị Thái sư Trần Thủ Độ, tể tướng đầu triều Trần.

Do thao túng triều chính và lấn át quyền lực của vua, nên Lê Sát phải trả giá. Vua Lê Thái Tông càng lớn càng nhận thấy phải loại bỏ quyền lực của Lê Sát để thu tóm quyền lực về phía mình. Trước sự lộng quyền của Lê Sát, Lê Thái Tông bên ngoài tỏ vẻ bao dung, nhưng trong lòng thì ghét bỏ Lê Sát. *Đại Việt sử kí toàn thư* chép: “Bấy giờ, vua đã lớn tuổi, xét đoán mọi việc đã sáng suốt, mà Lê Sát vẫn tham quyền cố vị nên vua càng ghét Sát, nhưng ngoài mặt vẫn tỏ vẻ bao

dung. Sát không nhận ra điều đó” [4, t.2, tr.340]. Vua Lê Thái Tông ngầm gây dựng thế lực riêng để chờ cơ hội hạ bệ Lê Sát. Nhân đó, Đinh Cảnh An, Nguyễn Vĩnh Tích các quan ở Ngự sử đài liền hạch Lê Sát tội chuyên quyền. Bây giờ, các đại thần như Lê Văn Linh, Lê Ngân đều cố gắng biện luận nhằm gỡ tội cho Lê Sát, nhưng vua không nghe.

Tháng 6 năm Thiệu Bình thứ 4 (1437), Lê Thái Tông quyết định xuống chiếu bãi chức tước của Lê Sát. Tờ chiếu viết: “Lê Sát chuyên quyền nắm giữ việc nước, ghen ghét bậc hiền tài, giết Nhân Chú để hòng ra oai, truất Trịnh Khả bắt người ta phục, bãi chức tước của U Đài khiến đình thần không còn ai dám nói, đuổi Cầm Hồ ra biên giới cho gián quan đều bịt miệng im hơi. Xét mọi việc làm của hắn đều không phải là phép tắc của kẻ làm tôi. Nay muốn khép nó vào hình luật để tỏ rõ phép nước” [4, t.2, tr.340]. Kết quả của cuộc xung đột quyền lực giữa hoàng quyền và tướng quyền bấy giờ là việc Lê Sát bị bãi chức (sau đó Lê Sát bị bắt phải tự tử, gia sản đều bị tịch thu. Chính sử còn chép rõ về sự kiện này: “Tội Sát đáng chết đầy thật, nhưng Sát đã từng làm đến đại thần, nếu phanh thây làm nhục, e để đời sau chê cười. Nhà vua bèn cho phép Sát được tự tử. Tịch thu các đồ vật của Sát, chia ban cho quần thần. Vợ con và tài sản của Sát đều bị sung công” [8, t.1, tr.883-884].

Trừ xong Lê Sát, những tướng hoàng quyền sẽ được khẳng định tuyệt đối, nhưng bối cảnh lịch sử bấy giờ đã tạo thêm cơ hội cho sự vươn lên của những vị tể tướng khác. Năm Đại Bảo thứ 3 (1442), vua Lê Thái Tông đột ngột qua đời khi xa giá đi tuần ở Chí Linh (Hải Dương), các đại thần sau đó đã tôn hoàng thái tử Bang Cơ (lúc đó mới 2 tuổi) lên ngôi, tức vua Lê Nhân Tông. Lê

Nhân Tông kế vị khi còn quá nhỏ. Mẹ ông là hoàng hậu Nguyễn Thị Anh, buông rèm nhiếp chính, nhưng khả năng cũng có hạn. Mọi việc triều chính lại phải nhờ vào các bậc cố mệnh đại thần, đứng đầu là thái úy Trịnh Khả và Lê Thụ. Hai bậc thái tể này đứng đầu triều đình, nắm quyền tể tướng đương triều. Trịnh Khả là người thẳng thắn, giữ phép công và chức phận, lấy việc sửa lỗi cho vua nhỏ làm trách nhiệm. Ông là vị tể tướng dùng pháp luật rất nghiêm khắc, đã xử án thì không thể xin nói tay. Tiếng nói của hai vị quan này có vai trò quan trọng trong việc bàn định các công việc lớn nhỏ của triều đình. Một số sự kiện sau đây chứng minh rõ điều đó. Thứ nhất, năm Thái Hòa thứ 6 (1448), triều đình hạ lệnh giết nam đạo chủ bạ Đàm Thảo Lư vì tội ăn lậu 4 quan 9 tiền thuế. Thực xét tội này không đến nỗi chết, nhưng do thái úy Trịnh Khả rất ghét Đàm Thảo Lư, nên viên quan này bị giết. Sau đó, thái úy Trịnh Khả trách quan đại phu Lê Bá Viễn tội dám kiện lại đại quan nên tâu vua bãi chức ông. Vua cũng nghe theo [4, t.2, tr.361-363]. Thứ hai, năm Thái Hòa năm thứ 7 (1449), nhân việc triều đình định lấy đồng đạo đồng Tri bạ tịch Nguyễn Thúc Huệ làm môn hạ hữu nạp ngôn, nhưng gián quan Đồng Hanh Phát can ngăn, Thái hậu bèn hỏi ý kiến của tể tướng Trịnh Khả: “Gián quan hạch như thế, nên làm thế nào?”. Trịnh Khả tâu: “Dùng người không nhất thiết phải cầu toàn. Bọn thần đã tìm hết những người tại chức và thân thích cố cựu nhưng không được một ai. Bọn thần thấy Thúc Huệ làm việc đều được cả. Còn bọn mới lên thì thần chưa biết được ai hay ai dở, không dựa vào đâu mà cất nhắc được”. Thái hậu bèn nghe theo [4, t.2, tr.373].

Những sự kiện như trên được chép lại không ít, cho thấy quyền lực của tể tướng rất

lớn, vua và hoàng thái hậu chủ yếu chỉ biết nghe theo và phê chuẩn. Song, cũng chính do sự lấn át của tướng quyền như vậy, nên cuối cùng, “cái bắt tay tạm thời” của vua và tể tướng lại bị phá vỡ. Năm Đại Bảo thứ 9 (1451), thái úy Trịnh Khả và Trịnh Lê Quát cùng với tư khấu Trịnh Khắc Phục bất ngờ bị giết mà không rõ nguyên do. Sử cũ chỉ chép đại lược rằng do có người gièm pha vu cho cha con Trịnh Khả kết đảng mưu phản nên thái hậu Nguyễn Thị Anh đã sai bắt giết ông cùng với con trai. Bây giờ, người ta đều cho rằng thái úy Trịnh Khả bị oan. Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cái chết của ông có thể được hé lộ phần nào qua lời chiếu sau đây sau đây của Lê Nghi Dân (người giết vua Lê Nhân Tông và Thái hậu để nắm quyền năm 1459): “Tiên đế đi tuần về miền Đông, bồng băng ở bên ngoài. Nguyễn Thái hậu muốn giữ vững quyền vị, ngầm sai nội quan Tạ Thanh dựng Bang Cơ làm vua, bắt trăm làm phiên vương. Sau Tạ Thanh tiết lộ việc ấy, lây đến cả Thái úy Trịnh Khả và Tư không Trịnh Khắc Phục, Thái hậu bắt giết cả đi để diệt hết người nói ra” [4, t.2, tr.385]. Đương nhiên, tính khả tín của sự việc thông qua lời chiếu này còn cần thêm nguồn tư liệu kiểm chứng. Phải hai năm sau (1453), khi vua Lê Nhân Tông khôn lớn, tự mình biết coi việc triều chính, mới khôi phục lại quan tước cho Trịnh Khả và ban cho con cháu của ông 100 mẫu ruộng.

Có thể nói, sự xung đột giữa vua và tể tướng đã cho thấy rằng, khi hoàng quyền bị tướng quyền lấn át thì để đảm bảo quyền lợi của hoàng tộc, “cái bắt tay” giữa hai ngôi vị này lập tức sẽ bị phá vỡ.

3. Quan hệ giữa tướng quyền và hoàng quyền giai đoạn cải cách quan chế

Những diễn biến xung quanh cuộc xung đột quyền lực giữa vua và tể tướng diễn ra trong mấy mươi năm đầu thành lập nhà Lê cho thấy phần nào sự hạn chế quyền lực chuyên chế của vua trong thiết chế chính trị trung ương tập quyền. Năm 1460, sau khi Lê Nghi Dân bị lật đổ, vua Lê Thánh Tông được đưa lên ngai vàng và trở thành vị vua thứ năm của vương triều Lê. Vua Lê Thánh Tông (1442 - 1497) lên ngôi trong bối cảnh khác với thời của Thái Tông và Nhân Tông. Lê Thánh Tông làm vua khi đã ở tuổi trưởng thành (19 tuổi), là người có “thiên tư sáng suốt”, được trang bị kiến thức văn võ song toàn. Quan trọng hơn, ông được kế thừa một giang sơn mà nền móng của nó đã được xây dựng khá vững chắc qua gần bốn thập kỉ xây dựng và phát triển.

Sau một thời gian lên nắm quyền, Lê Thánh Tông nhận thức khá sâu sắc những yêu cầu của thời cuộc và đã quyết định tiến hành cuộc cải cách hành chính nổi tiếng trong lịch sử. Trong *Hiệu định Hoàng triều quan chế* được ban hành ngày 26 tháng 9 năm Hồng Đức thứ 2 (1471), nhà vua đã giải thích rõ lí do của cuộc cải cách này: “Đất đai bờ cõi ngày nay so với trước kia khác nhau nhiều lắm, không thể không thân hành nắm quyền chế tác, làm trọn đạo biến thông” [4, t.2, tr.453].

Lời dụ trên cho biết mục tiêu quan trọng hàng đầu của cuộc cải cách này là nhằm tập trung quyền lực cao độ vào tay nhà vua để xây dựng một thiết chế nhà nước quân chủ trung ương tập quyền cao độ từ trung ương tới địa phương. Muốn hoàng quyền chuyên chế, đương nhiên phải tổ chức, sắp xếp lại bộ

máy các cơ quan và chức quan của triều đình. *Đại Việt sử ký toàn thư* có ghi: “Ở trong, quân vệ đông đúc thì năm phủ chia nhau nắm giữ, việc công bề bộn thì sáu bộ bàn nhau mà làm cấm binh coi giữ ba ty để làm vuốt nanh, tim óc. Sáu khoa để xét bác trăm ty, sáu tự để thừa hành mọi việc. Thông chính ty sứ ty để tuyên đức hóa của vua và đề bạt nguyện vọng của dân. Ngự sử án để hạch tâu các quan làm bậy, soi xét ẩn khuất cho dân. Bên ngoài thì mười ba thừa ty cùng tổng binh coi giữ địa phương, đô ty thủ ngự thì chống giữ các nơi xung yếu, phủ, châu, huyện là để gần dân; bảo, sở, quan là để chống giặc; tất cả đều liên quan với nhau, ràng buộc lẫn nhau” [4, t.2, tr.453]. Cùng với việc cải cách bộ máy hành chính nhà nước nói chung, việc giải quyết mối quan hệ về quyền lực giữa vua và hàng ngũ đại thần (đứng đầu là tể tướng) được nhà vua đặc biệt quan tâm. Để đích thân nắm quyền trị nước, trực tiếp làm việc và quản lý lục bộ và các cơ quan khác trong bộ máy hành chính, vua Lê Thánh Tông đã học theo cách làm của Minh Thái Tổ và vương triều nhà Minh, theo đó gạt bỏ các thế lực nắm quyền vị trung gian mà đứng đầu là tể tướng. Sau cuộc cải cách quan chế từ năm Hồng Đức thứ 2 (1471), ngôi vị tể tướng (gắn với chức quan cụ thể là tướng quốc) chính thức bị xóa bỏ.

Có thể nói, việc quyết định bãi bỏ chế độ tể tướng trong cải cách quan chế của Lê Thánh Tông là một biện pháp táo bạo nhằm dứt khoát loại bỏ tướng quyền và củng cố hoàng quyền. Tất nhiên, điều này dẫn đến một hệ quả khác nằm ngoài mong muốn của nhà vua. Đó là tạo điều kiện phân tướng quyền vào tay lục bộ, đề cao quyền hành của thượng thư đứng đầu các bộ (tạm gọi là bộ quyền). Để giảm thiểu sự lo ngại về việc bộ quyền quá lớn sẽ gây nguy hại đến hoàng

quyền, vua Lê Thánh Tông lại học tập mô hình của nhà Minh trong việc thiết lập cơ quan lục khoa để trực tiếp giám sát và kiểm tỏa quyền lực của lục bộ. Đây là chủ trương nhằm tăng cường sự tập quyền ở bên trên và đẩy mạnh sự tản quyền ở phía dưới, tạo ra cơ chế kiểm soát chéo lẫn nhau giữa các cơ quan hành chính ở trung ương. Điều đó đúng như lời dụ của Lê Thánh Tông ban hành vào năm Hồng Đức thứ 2 (1471): “Khiến cho quan to, quan nhỏ đều ràng buộc với nhau; chức trọng chức khinh cùng kiểm chế lẫn nhau. Uy quyền không bị lợi dụng, thế nước vậy là khó lay. Hình thành thói quen giữ đạo lý, theo pháp luật mà dứt bỏ tội lỗi khinh nhân nghĩa, phạm ngục hình” [4, t.2, tr.454].

Như vậy, sau cuộc cải cách của Lê Thánh Tông, tướng quyền bị loại bỏ, hoàng quyền chuyên chế. Lịch sử chế độ tể tướng ở Đại Việt tạm thời bị đứt quãng trong một thời gian từ sau năm Hồng Đức thứ hai (1471) đến đầu thời Hồng Thuận (1509 - 1516).

4. Quan hệ giữa tướng quyền và hoàng quyền giai đoạn sau cải cách quan chế

Cuộc cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông đã mang lại những kết quả tích cực, mở ra cho lịch sử dân tộc một thời kì “Hồng Đức thịnh thế”. Tiếc rằng, sau khi vua Lê Thánh Tông qua đời, kỉ cương pháp độ của triều đình theo mô hình “Hồng Đức chi trị” đã nhanh chóng tan chảy như một thứ bong bóng xà phòng. Trong các đời vua kế vị Lê Thánh Tông, ngoại trừ Lê Hiến Tông còn tạm giữ được cơ đồ của vua cha, hầu hết các vua còn lại (đặc biệt là “vua quý” Lê Uy Mục và “vua lợn” Lê Tương Dực) là các vị vua bất tài, ngu tối.

Cũng chính sự bất tài cùng với lối sống sa đọa của các vị vua này đã phá nát tính nhất thống trong triều đình, góp phần làm tính chuyên chế của hoàng quyền dần trượt dốc.

Sách *Hồng Thuận Trị bình bảo phạm* nói về cục diện đất nước dưới thời kì cầm quyền của “bạo chúa” Lê Uy Mục như sau: “Đời Đoan Khánh” (niên hiệu của vua Lê Uy Mục), “bọn hoạn quan thọc vào chính sự, kẻ ngoại thích mặc sức chuyên quyền, pháp lệnh phiến hà, kỷ cương rối loạn, nông tang điều tàn mất nghiệp, phong tục ngày một suy đồi, thực rất đáng thương tâm” [5, t.3, tr.60].

Trước cục diện triều đình chỉ biết “tiến dùng bè lũ sài lang, đưa mở rộng đường hối lộ”, vua Lê Uy Mục đã bị lật đổ, bị phế làm Mẫn lệ công, rồi bị ép uống thuốc độc mà chết. Vua Lê Tương Dực sau khi hạ bệ Uy Mục đã tự lập làm vua và lấy niên hiệu Hồng Thuận. Nhà vua nắm quyền trong bối cảnh triều chính rối ren. Để trả ơn cho công thần đã phò giúp lấy được ngôi báu và cũng mong có thêm chỗ dựa về chính trị, từ năm Hồng Thuận (1509 - 1516), vua Lê Tương Dực đã cho đặt lại ngôi vị tể tướng, gắn liền với chức bình chương phụ quốc, lại có tên gọi là thừa tướng, thượng tể [6, tr. 617]. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* cho biết rõ hơn về ngọn nguồn các tên gọi này: “Hồi đầu triều Lê, theo chế độ cũ nhà Trần, đặt chức Tướng quốc, gia phong bình chương quân quốc trọng sự. Khoảng năm Hồng Đức (1470 - 1497), Lê Thánh Tông định lại tên quan, bãi bỏ chức ấy; đến nay lại đặt và gia phong Thái tể, Thái sư” [9, t.2, tr.48-49]. Sự kiện này đánh dấu ngôi vị tể tướng Đại Việt đã được tái lập trở lại.

Theo đó, năm Hồng Thuận thứ 2 (1510), vua Lê Tương Dực đã gia phong cho thiệu quốc công Lê Quảng Độ làm bình chương quân quốc trọng sự, thái tể thái sư, “giữ tất

cả chính quyền trong nước” [9, t.2, tr.48]; và hai năm sau đó (1512), lại gia phong cho lượng quốc công Lê Phụ làm tả bình chương quân quốc trọng sự, phong cho nhập nội kiểm hiệu, thượng tướng thái úy, nghĩa quốc công Nguyễn Văn Lang chức khai phủ nghi đồng tam ty bình chương quân quốc trọng sự, phụ quốc thượng, thượng tể thái phó [5, t.3, tr.61]. Lê Phụ ở ngôi tể tướng, trên thực tế vẫn nỗ lực làm tròn trọng trách người “trợ thủ cao cấp” của vua từ việc lớn đến việc nhỏ. Ví dụ, tháng 4 năm Hồng Thuận thứ 6 (1514), vua Lê Tương Dực thân hành ra đầu bài văn sách hỏi về nhân tài. Vua sai tả bình chương quân quốc trọng sự nhập nội kiểm hiệu thượng tướng thái úy, lương quốc công Lê Phụ cùng một số đại thần chia nhau trông coi việc thi [5, t.3, tr.72].

Sau sự kiện gia phong cho Lê Quảng Độ và Lê Phụ, chính sử thời Lê chỉ chép về vai trò của các lão tướng, quyền thần từ Trịnh Duy Sản đến Trịnh Tuy, Nguyễn Hoàng Dụ, Trần Chân..., chứ không nhắc cụ thể việc trao đến chức tể tướng cho cá nhân nào.

Việc khôi phục lại ngôi vị tể tướng từ thời Lê Tương Dực không giúp củng cố thêm hoàng quyền cũng như tạo được sự gắn kết bền chặt giữa hoàng quyền và tướng quyền, mà chỉ phản ánh sự rối ren, bế tắc của triều chính bấy giờ. Điều này được ghi trong “Lời căn án” của các sử quan thời Nguyễn trong sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* như sau: “Lê Thánh Tông định tên quan, mới bỏ chức Bình chương Tướng quốc, không xếp đặt thành tên quan nữa. Đến nay đặt lại chức Bình chương phụ tướng, lại có danh xưng là Thái tể, Thái sư. So với trước kia thì chức trách và danh phận của quan bình chương có phần thêm long trọng; nhưng do đầy mà kẻ cường thần chuyên giữ mệnh

lệnh trong nước, con đường suy loạn bắt đầu thời từ đây” [9, t.2, tr.49-50].

Thực tế lịch sử những năm cuối triều đại Lê Sơ cho thấy, tình trạng tranh đoạt, bức hại lẫn nhau giữa vua với tôi, giữa quyền thần với hoàng thất diễn ra liên tục, chứng minh rõ quyền lực chuyên chế của vua Lê ngày càng đứng bên bờ vực thẳm.

Năm Thông Nguyên thứ 3 (1524), vua Lê Cung Hoàng buộc phải tiến phong quyền thần Mạc Đăng Dung làm bình chương quân quốc trọng sự thái phó, nhân quốc công [5, t.3, tr.103]. Đây cũng là nhân vật nắm quyền tể tướng cuối cùng dưới thời Lê Sơ. Sau sự kiện này, thời Lê Sơ chấm dứt với việc Mạc Đăng Dung lên ngôi sáng lập ra nhà Mạc.

5. Kết luận

Trong vòng 100 năm thời Lê Sơ, mối quan hệ giữa vua và tể tướng đã có những diễn tiến rất khác nhau. Khi thì hoàng quyền làm chủ, tướng quyền chỉ như con tốt trong một ván cờ; khi thì tướng quyền lấn át, hoàng quyền phụ thuộc. Có giai đoạn tướng quyền bị phế trừ, hoàng quyền chuyên chế; lại có lúc tướng quyền được khôi phục, hoàng quyền đi xuống. Sự thăng trầm trong mối quan hệ này cho gọi ra ba nhận định về quan chế và thiết chế chính trị giai đoạn này như sau. *Thứ nhất*, sự thay đổi theo biểu đồ hình sin về quyền lực của vua và tể tướng cho phép nghĩ rằng mô hình nhà nước tập quyền trung ương thời Lê Sơ thực chất không bền vững và chưa được đảm bảo bằng một cơ chế vững chắc trong việc giải quyết bài toán giữa chuyên chế dòng họ và bộ máy quan liêu đa tộc. *Thứ hai*, việc ngôi vị tể tướng được tái thiết lập (đầu triều đại - thời Lê Thái Tổ, Thái Tông, Nhân Tông), phế bỏ (giữa triều đại - sau cải

cách quan chế của Lê Thánh Tông), rồi lại tái lập (cuối triều đại - từ thời Lê Tương Dực), cho thấy địa vị chính trị đặc biệt cũng như vai trò quan trọng của tể tướng trong bộ máy tổ chức nhà nước. Dù muốn hay không muốn, triều đình thời Lê Sơ vẫn cần có người cầm trịch đội ngũ triều thần để giúp mình giải quyết các công việc quốc gia đại sự. Bất cứ vị vua nào, dù chuyên chế độc quyền đến mấy cũng khó có thể một mình quán xuyến được tất cả mọi việc lớn nhỏ trong triều đình, nếu như không có người “trợ thủ cao cấp” như tể tướng giúp đỡ. *Thứ ba*, sự thăng trầm cả trong chính sách dùng người và mối quan hệ tình cảm cá nhân giữa vua và tể tướng trong triều đình Lê Sơ phản ánh một mối quan hệ tương tác quyền lực đặc biệt: vừa cần dựa vào nhau, vừa muốn kiềm tỏa quyền lực của nhau; vừa cần sự tương trợ về quyền lực, sức mạnh và tài năng của nhau, vừa muốn gạt bỏ, thậm chí là thanh trừng nhau để khẳng định mình. Rõ ràng, vua và tể tướng là một cặp đôi khó có thể tách rời nhau, nhưng lại chưa bao giờ là “cặp đôi hoàn hảo”!

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Huy Chú (2008), *Lịch triều hiến chương loại chí*, t.1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Lê Quý Đôn (2007), *Đại Việt thông sử*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [3] Phan Ngọc Huyền (2016), “Bàn về chức Tể tướng thời Lý - Trần”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 1.
- [4] Ngô Sỹ Liên và các sử thần hậu Lê (1998), *Đại Việt sử kí toàn thư*, t.2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Ngô Sỹ Liên và các sử thần hậu Lê (1998), *Đại Việt sử kí toàn thư*, t.3, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

- [6] Đỗ Văn Ninh (2002), *Từ điển chức quan Việt Nam*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
- [7] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, t.1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [8] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, t.2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [9] 赵德义、汪兴明主编 (1999), 《中国历代官称辞典》, 团结出版社, 北京, (Triệu Đức Nghĩa và Uông Hưng Minh chủ biên (1999), *Từ điển chức quan các đời Trung Quốc*, Nxb Đoàn kết, Bắc Kinh).

